TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/KDTM-PT
Ngày**:** 18/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**
Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**
Bà **Nguyễn Thị Trang Thư**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Nguyễn Ngọc Chúc** - Kiểm sát viên trung cấp tham gia kiểm sát phiên toà.

Trong các ngày 15 &18 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:12/2023/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 06 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2023/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ1**.

Địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, Hà Nội.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng **Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh T5.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng T** – Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Công T1**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2022).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Ô.**

Địa chỉ: Số B N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Hồng T2** – Giám đốc (Vắng mặt). Địa chỉ: A, Khu dân cư H, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Ngô Hồng T2**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, Khu dân cư H, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.2 Bà **Đỗ Thị Thu B**, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Uỷ quyền cho: Bà **Võ Thị Mỹ P**, sinh năm 1994 và bà **Lê Thị Yến N**, sinh năm 1998 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: B T, Khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.3 Ông **Dương Minh Đ**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Uỷ quyền cho: Ông **Lâm Quốc C**, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Ông Dương Minh Đ và bà Đỗ Thị Thu B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày***:

Ngân hàng TMCP Đ1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với Công ty TNHH Ô (sau đây gọi tắt là Công ty Ô) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0022/2020/13667134/HĐTD ngày 28/04/2020, cụ thể như sau: Số tiền tối đa là: 20.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng. Đồng thời, Ngân hàng đã ký kết 02 Hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 0108/2020/7016576/HĐBĐ ký ngày 09/09/2020. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 376232, số vào sổ cấp GNC H00031 do UBND quận C, TP Cần Thơ cấp ngày 28/01/2005; Thửa đất số: 21; Tờ bản đồ số: 33; Địa chỉ thửa đất: Khu vực Y, phường L, quận C, TP Cần Thơ; Diện tích: 620,2 m^2; Mục đích sử dụng đất: 274,1 m^2 ODT; 346,1 m^2 CLN; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; 50 năm; Nguồn gốc sử dụng:

Nhận QSD đất do phân chia tài sản (ly hôn theo QĐ số 05/2004); Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 04; DTXD = DTSD = 14,525 m^2.

2. Hợp đồng thế chấp bằng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 0088/2020/7016576/HĐBĐ ký ngày 29/07/2020. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040629 do Phòng CSGT - Công an T6 cấp ngày 16/12/2019; Chủ xe: Ngô Hồng T2; Nhãn hiệu: FORD; Số loại: RANGER; Loại xe: Tải pickup cabin kép; Màu sơn: Đen; Số chỗ ngồi: 05; Biển số đăng ký: 65C-146.21; Số máy: P4AT1139181; Số khung: MNCBMFF20EW224674.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc bằng văn bản đôn đốc Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả nợ và thông báo về khoản nợ đến hạn, quá hạn nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/03/2023 như sau:Tổng dư nợ gốc:10.470.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.171.908.275 đồng; Lãi quá hạn: 904.247.835 đồng;Tổng cộng: 13.546.156.110 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 28/03/2023 cho đến ngày trả hết nợ Ngân hàng;

Trường hợp Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không còn khả năng trả nợ, hoặc trả không tất nợ. Ngân hàng đề nghị xét xử và tuyên giao các tài sản thế chấp nêu trên cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ, vì đây là tài sản đã được thế chấp hợp pháp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Ô tại Ngân hàng.

Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán dứt nợ vay còn lại cho Ngân hàng sau khi đã phát mãi tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ;

Công ty Ô, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ chi phí khởi kiện, phí thi hành án và các chi phí khác phát sinh trong thời gian xử án và thi hành án.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH Ô, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Hồng T2, Đỗ Thị Thu B*** vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án.

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Minh Đ trình bày***:

Vào ngày 01.9.2020 ông Đ có mượn tài sản của mẹ ông là bà Đỗ Thị Thu B để thế chấp Ngân hàng lấy vốn làm ăn và được sự đồng ý của bà B thì Ngân hàng cho Công ty Ô do ông Ngô Hồng T2 làm giám đốc vay số tiền 10.470.000.000 đồng và nhận số tiền trên. Thời gian sau thì ông T2 không đóng lãi và vốn cho Ngân hàng cho nên Ngân hàng khởi kiện gốc và lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của

Ngân hàng thì ông và gia đình đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng, trường hợp thanh toán không được thì ông và gia đình đồng ý bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng cho ông và gia đình thêm thời gian để bán tài sản trả nợ.

Vụ án được hòa giải nhưng không thành và Tòa án đã đưa ra xét xử, tại Bản án sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phát mãi xe ô tô biển kiểm soát 65C – 146.21.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Ô có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/3/2023 số tiền 13.546.156.110 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 10.470.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.171.908.275 đồng, lãi quá hạn: 904.247.835 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 28/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ cho người khác ngày 09/9/2020 ký tại Văn phòng C1, tài sản thế chấp là với Q sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 376232, số vào sổ cấp GNC H00031 do UBND quận C, TP Cần Thơ cấp ngày 28/01/2005; Thửa đất số: 21; Tờ bản đồ số: 33; Địa chỉ thửa đất: Khu vực Y (nay là khu vực Y), phường L, quận C, TP Cần Thơ; Diện tích: 620,2 m^2; Mục đích sử dụng đất: 274,1 m^2 ODT; 346,1 m^2 CLN; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; 50 năm; Nguồn gốc sử dụng: Nhận QSD đất do phân chia tài sản (ly hôn theo QĐ số 05/2004); Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 04; DTXD = DTSD = 14,525 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị Thu B (BL44-53).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 03/4/2023: Không đồng ý với nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên, bà Đỗ Thị Thu B và ông Dương Minh Đ đều có đơn kháng cáo, không đồng ý về việc buộc bên chủ tài sản bán trả nợ cho Ngân hàng. Lý do ông Ngô Hồng T2 giả mạo chữ ký của ông Đ trong hồ sơ xét vay; giả mạo chữ ký của công chứng Trương Văn T3 để cho Ngân hàng phát vay số tiền 10.470.000.000 đồng; ông T2 báo khống hồ sơ mua hai chiếc xe ô tô với mức giá 10.470.000.000 đồng để cho Ngân hàng giải ngân. Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu xác thực việc Công ty Ô có mua xe nêu trên. Đề nghị, huỷ bản án sơ thẩm và xét xử chuyển hồ sơ sang

Công an thành phố T6 để điều tra vụ việc này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Đại diện cho ông Dương Minh Đ trình bày*:

Đối với Hợp đồng góp vốn giữa ông Đ với ông T2 thì khi tham gia giao dịch vay tiền tại Ngân hàng phía ông T2 phải được sự đồng ý uỷ quyền của các thành viên góp vốn. Biên bản họp thành viên góp vốn, chữ ký của ông Đ là giả mạo nên vì vậy hiện nay ông Đ đang có yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra thụ lý giải quyết bằng tin báo có dấu hiệu phạm tội của ông T2. Hơn nữa, việc vay vốn này ông T2 chưa thông qua ý kiến của Hội đồng thành viên mà tự ý vay tiền nên Hợp đồng tín dụng vượt quá phạm vi uỷ quyền đề nghị Toà án tuyên huỷ hợp đồng này.Toà án cấp sơ thẩm chưa đưa Văn phòng công chứng tham gia tố tụng vì các Hợp đồng mua bán xe nộp theo hồ sơ chỉ là để hợp thức hoá cho việc vay tiền tại ngân hàng. Đề nghị, Toà án huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ qua Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ hành vi của ông T2 trước khi tiến hành xét xử đối với tranh chấp này.

** Đại điện ủy quyền của bà Đỗ Thị Thu B trình bày*: Đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm với những ly do như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Người đại diện của nguyên đơn chưa đủ tư cách tham gia vụ kiện vì căn cứ vào các Văn bản uỷ quyền cho thấy người đại diện của Ngân hàng phải là giám đốc hoặc trưởng phòng tương đương.Văn bản uỷ quyền lại của Giám đốc chi nhánh cho ông T1 là không phù hợp.

+ Văn bản thoả thuận lựa chọn Toà án quận C ngày 29/12/2021 đã bị ghi thêm nội dung thoả thuận, chưa trùng khớp giữa bút lục 01- 02 với bút lục 99 -100. Theo đó, Toà án sơ thẩm là nơi có bất động sản nhưng Công ty bị đơn là ở quận N nên Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền. Đại diện nguyên đơn thừa nhận có việc ghi thêm nội dung chọn lựa vào Văn bản thoả thuận này sau khi gọi điện thoại trao đổi với ông T2 mà không chứng minh được bằng văn bản.

+ Toà án cấp sơ thẩm chưa tống đạt văn bản tố tụng cho bà Thu B, ông Đ là con trai bà B đã nhận các giấy tờ thay mà chưa có văn bản uỷ quyền là không phù hợp. Ngoài ra, một số điều luật của cấp sơ thẩm áp dụng là chưa đúng

- Về nội dung:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản của bà T4 Ba được ký nhưng bà T4 Ba không được giải ngân, Toà án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá hồ sơ vì nhiều chứng từ khi giải ngân bị làm giả; bà T4 Ba không có mối quan hệ nhân thân với ông Ngô Hồng T2 nhưng lại ký hợp đồng đưa tài sản của mình để bảo đảm cho khoản nợ của Công ty Ô và bị buộc trả nợ thay là không hợp lý; bà Thu B cũng không được thông báo về khoản nợ gốc và lãi khi phát sinh tranh chấp. Tuy rằng, việc ký hợp đồng thế chấp thời điểm xác lập là tự nguyện, không bị ép buộc nhưng mục đích sử dụng vốn của ông T2 nhằm phục vụ cá nhân, cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ vì

nếu bị xử lý tài sản thì đây là tài sản duy nhất bà T4 Ba có được, trên đó tài sản còn có vợ ông Đ cùng sinh sống nhưng không được tham gia tố tụng.

Với những phân tích nêu trên, do tài sản thế chấp liên quan đến việc đánh giá chứng cứ đề nghị cấp phúc thẩm tạm đình chỉ vụ án, chờ kết quả giải quyết tại cơ quan cảnh sát điều tra quận C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T2, sau khi có kết quả giải quyết mới tiếp tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng này.

* *Đại diện nguyên đơn trình bày*: không đồng ý với kháng cáo của bà Thu B và ông Đ và cho rằng, trong quá trình sử dụng vốn vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần yêu cầu thanh toán. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện tham gia uỷ quyền tuân thủ theo quy định của pháp luật nên việc đại diện bà Thu B cho rằng không đúng tư cách khởi kiện là không có căn cứ. Vụ việc liên quan của bà Thu B với ông T2 chỉ mới dừng lại ở tin tố giác tội phạm nên Ngân hàng yêu cầu giải quyết dứt điểm tranh chấp. Tại giai đoạn sơ thẩm ông Đ và bà Thu B đều biết việc ký hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản và còn xin Ngân hàng thời gian để bán tài sản trả nợ. Các lời khai tại giai đoạn phúc thẩm nhưng người đại diện không đưa ra thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên đề nghị giữ Y bán án sơ thẩm vì vụ việc kéo dài quá lâu.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Người kháng cáo có có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí hoặc thuộc trường hợp được miễn án phí nên các đơn kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức.

Về trình tự thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm: Đối với việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào văn bản thoả thuận tự nguyện lựa chọn Toà án giải quyết theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết của Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp; xác minh tình hình hoạt động của bị đơn; triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy, Bản án sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng hạn mức, hợp đồng tín dụng cụ thể về đề nghị vay vốn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Ô phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 tổng cộng 13.546.156.110 đồng là có căn cứ và phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: QSDĐ theo giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền do bà T4 Ba đứng tên và xe ô tô biển kiểm soát 65C-146.21 do ông Ngô Hồng T2 đứng tên. Trong quá trình giải

quyết vụ án Ngân hàng đã thu hồi, xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 65C-146.21 nên Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Riêng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là QSDĐ do bà T4 Ba đứng tên, nhận thấy tài sản được giao kết hoàn toàn tự nguyện, thủ tục thế chấp thực hiện đúng quy định về công chứng chứng thực, đã đăng ký giao dịch đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ con ruột bà B thừa nhận việc bà T4 Ba đồng ý cho ông mượn tài sản để thế chấp Ngân hàng không có sự gian dối, ép buộc. Từ đó, việc Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp này khi Công ty Ô không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

Đối với các lý do kháng cáo của bà B và ông Đ cho rằng ông Ngô Hồng T2 gian dối, làm giả hồ sơ vay nhằm chiếm đoạt số tiền của Ngân hàng. Đây là quan hệ pháp luật khác, các đương sự có quyền tố cáo đến Cơ quan có thẩm quyền để xử lý ông Ngô Hồng T2 theo pháp luật hình sự. Nhận thấy, những lý do này không làm thay đổi các giao dịch dân sự mà bà B đã giao kết nên Bản án sơ thẩm buộc bà Ba p thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty Ô là hợp lý.

Từ những phân tích nêu trên, Bản án sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, đánh giá khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ nên kết quả giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm, người liên quan yêu cầu giám định chữ ký trên biên bản họp hội đồng thành viên…Do đó, nhận thấy trong vụ kiện này đang giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nên yêu cầu này của đương sự không liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nêu trên. Nếu đương sự đủ tài liệu, chứng minh được ông Ngô Hồng T2 thực hiện hành vi gian dối thì đề nghị gửi đơn tố cáo đến Cơ quan có thẩm quyền (kèm theo tài liệu, chứng minh) để yêu cầu giải quyết riêng. Do đó, lý do kháng cáo của bà Đỗ Thị Thu B và ông Dương Minh Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bác đơn kháng cáo bà Thu B và ông Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì quan hệ được xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".* Nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân quận Cái Răng giải quyết khi có tranh chấp ngày 29/3/2021 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hồng T2, bà Đỗ Thị Thu B trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Đ và bà B đã có người đại diện tham gia phiên toà.

[3] *Về thủ tục kháng cáo*: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Thu B và ông Đ đều có kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp nên phù hợp về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, trong trường hợp này cần xem xét toàn diện các vấn đề liên quan, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để đánh giá.

[4] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số nợ gốc và lãi là có căn cứ và cần được pháp luật bảo vệ. Về số tiền gốc lãi các bên không đặt ra kháng cáo nên bản án không phân tích đề cập đến nội dung số tiền gốc lãi. Vấn đề liên quan đến trình tự thủ tục tố tụng và nội dung tranh chấp mà các bên kháng cáo đặt ra sẽ được đánh giá phân tích.

[5] ***Xét đối với những vấn đề về trình tự thủ tục*:**

[5.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Phía đại diện cho bà T4 Ba và ông Đ cho rằng Văn bản lựa chọn Toà án giải quyết đề ngày 29/12/2021 theo hồ sơ có sự khác nhau về bút lục đã đánh dấu theo hồ sơ bao gồm bút lục 01- 02 và bút lục 99 -100 theo đó xác định có việc viết thêm vào nội dung lựa chọn nơi giải quyết tranh chấp.

Toà án cấp phúc thẩm đề nghị nguyên đơn cung cấp bản chính Văn bản thoả thuận này và đối chiếu nội dung phù hợp với bút lục 99-100 đã có trong hồ sơ. Nội dung được ghi nhận trong văn bản này đại diện nguyên đơn thừa nhận có việc điền thêm nội dung sau khi đã thông báo cho ông T2 và Ngân hàng cung cấp được bản chính của Văn bản với đầy đủ nội dung đã nộp tại cấp sơ thẩm.

Thấy rằng: Nội dung lựa chọn là sự thoả thuận của Ngân hàng và ông Ngô Hồng T2, ông T2 cũng không tham dự trong suốt quá trình triệu tập sau đó và cũng không có ý kiến phản đối vấn đề thoả thuận này. Hơn nữa, cần phân tích thêm ngoài lựa chọn Toà án nơi giải quyết tranh chấp, Toà án tôn trọng việc thoả thuận của các bên tạo điều kiện chọn Toà án nơi có tài sản thế chấp hoặc nơi có địa chỉ của bị đơn đều nhằm đảm bảo việc tống đạt và định giá tài sản thế chấp. Do vậy, việc lựa chọn và khởi kiện, tránh để xảy ra tình trạng kéo dài thời gian, nên việc nại ra này của đại diện ông Đ và Thu B là chưa có căn cứ để chấp nhận, việc viện dẫn lý do này để huỷ án là chưa phù hợp.

[5.2] *Về tư cách khởi kiện của của nguyên đơn*: Khi khởi kiện ngân hàng đã cung cấp được các Văn bản uỷ quyền của Hội sở chính và các Văn bản uỷ quyền tiếp theo của người đại diện bao gồm Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 936/QĐ –B1 ngày 25/10/2021 và Giấy ủy quyền số 330/GUQ-BIDV-TAĐ

ngày04/10/2022, do vậy nên việc người kháng cáo cho rằng người đại diện tham gia phiên toà là không đủ tư cách tham gia tố tụng là không có căn cứ.

[5.3] *Về việc cấp văn bản tố tụng trong quá trình tống đạt đối với bà Thu B*: Kiểm tra các tài liệu liên quan đến việc tố tụng về thủ tục Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp tống đạt phía bà T4 Ba được nhận và thực hiện niêm yết đầy đủ nhưng không đến theo triệu tập.

Cần phân tích thêm phía ông Đ đã có Văn bản ghi lời khai và Văn bản ý kiến về việc biết số nợ gốc và lãi mà Ngân hàng đã khởi kiện, được tham gia hoà giải và thống nhất với số nợ gốc và lãi; ông xin thêm thời gian để gia đình có điều kiện bán tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Ngoài ra, ông còn xin Ngân hàng miễn giảm lãi để gia đình có điều kiện trả nợ. Văn bản này thu thập trong hồ sơ tại Bản tự khai của ông Đ đề ngày 16/11/2022 và ngày 17/02/2023 cùng Biên bản hòa giải ngày 17/02/2023.

[6] **Xét về nội dung**: Liên quan đến Hợp đồng thế chấp.

[6.1] Thấy rằng: Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 0108/2020/7016576/HĐBĐ ký ngày 09/09/2020. Theo đó, bà T4 Ba dùng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 376232, số vào sổ cấp GNC H00031 do UBND quận C, TP Cần Thơ cấp ngày 28/01/2005 để đảm bảo khoản vay.

Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ, chính những người đại diện bà T4 Ba đều xác định khi ký là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa. Tại Khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ (bút lục 47). Thực tế, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho nên việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[6.2] Vấn đề đại diện bà B như đã nêu ra ở trên là do ông T2 khi vay tín dụng được đảm bảo bằng tài sản của bà T4 Ba nhưng ông T2 sử dụng vốn vay không vì mục đích hoạt động của công ty có phần góp vốn của ông Đ trong đó, các Văn bản họp Hội đồng thành viên công ty B2 làm giả. Theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, ngân hàng ngoài việc thẩm định khoản vay, mục đích sử dụng vốn để giải ngân có phù hợp quy định để phát vay thì không có quy định bắt buộc Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu xác thực kiểm tra việc sử dụng nguồn vay hay thẩm định đến hoạt động nội bộ của các thành viên công ty. Nếu cho rằng ông T2 gian dối, làm giả hồ sơ vay nhằm chiếm đoạt số tiền ảnh hưởng đến tài sản đảm bảo của người thứ ba thì như đại diện Viện kiểm sát phân tích đây là quan hệ pháp luật khác, các đương sự có quyền tố cáo đến Cơ quan có thẩm quyền để xử lý ông T2 quy định của pháp luật hình sự. Nhận thấy, những lý do này không làm thay đổi các giao dịch dân sự mà bà Thu B đã giao kết nên Bản án sơ thẩm buộc bà Ba p

thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay của Công ty Ô là phù hợp. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6.3] Đến giai đoạn phúc thẩm người đại diện ông Đ, bà Thu B cho rằng không được tiếp xúc hồ sơ và đề nghị tạm đình chỉ vụ kiện chờ kết quả giải quyết của ông với bà T4 Ba đối với ông T2 là không có căn cứ để chấp nhận.

[6.4] Ngoài Biên bản làm việc nhận tin tố giác tội phạm đề nghị 14/9/2023 giữa Công an quận C với những người đại diện của ông Đ được cung cấp tại phiên toà hôm nay Biên bản này mới dừng lại ở việc nhận tin và chưa có bất kỳ văn bản của Cơ quan có thẩm quyền liên quan để yêu cầu tạm dừng giải quyết tranh chấp. Đồng thời, những người kháng cáo cũng không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên chưa có căn cứ để xem xét tạm đình chỉ vụ án.

Đến giai đoạn phúc thẩm, những người kháng cáo mới có yêu cầu giám định chữ ký trên biên bản họp hội đồng thành viên, không cung cấp được tài liệu liên quan cần giám định. Hơn nữa, vụ kiện này đang giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng nên yêu cầu này của đương sự không liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nêu trên. Nếu đương sự đủ tài liệu, chứng minh được ông T2 thực hiện hành vi gian dối thì đề nghị gửi đơn tố cáo tại cơ quan có thẩm quyền.

[7] Đối với yêu cầu cầu Ngân hàng đã yêu cầu rút lại yêu cầu phát mãi đối với xe ô tô biển kiểm soát 65C – 146.21. Đây là sự tự nguyện, không trái qui định của pháp luật cho nên cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[8] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo cần giữ Y bản án sơ thẩm.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: giữ y như án sơ thẩm đã tuyên.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ và bà T4 Ba phải chịu án phí phúc thẩm. Do bà Thu B thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Minh Đ và bà Đỗ Thị Thu B: Giữ Y bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phát mãi xe ô tô biển kiểm soát 65C – 146.21.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Ô có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/3/2023 số tiền 13.546.156.110 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 10.470.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.171.908.275 đồng, lãi quá hạn: 904.247.835 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 28/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ cho người khác ngày 09/9/2020 ký tại Văn phòng C1, tài sản thế chấp là với Q sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 376232, số vào sổ cấp GNC H00031 do UBND quận C, thành phố Cần Thơ cấp ngày 28/01/2005; Thửa đất số: 21; Tờ bản đồ số: 33; Địa chỉ thửa đất: Khu vực Y (nay là khu vực Y), phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; Diện tích: 620,2 m^2; Mục đích sử dụng đất: 274,1 m^2 ODT; 346,1 m^2 CLN; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; 50 năm; Nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do phân chia tài sản (ly hôn theo Quyết định số 05/2004); Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 04; DTXD = DTSD = 14,525 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị Thu B.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn phải chịu chi phí này. Bị đơn có trách nhiệm hoàn lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải nộp 121.546.156 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng) án phí. Nguyên đơn được nhận lại số tiền 60.420.770 đồng (Sáu mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008651 ngày 12/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Dương Minh Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0003064 ngày 11/4/2023 của Chi Cục thi hành án quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà Đỗ Thị Thu B được miễn án phí do là người cao tuổi.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/9/2023)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q Cái Răng;
- Chi Cục THADS Q Cái Răng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Minh Trang